TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Phát Triển

2. Ông: Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST- HNGĐ, ngày 28/3/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Hoàng N H, Sinh năm 1981. Địa chỉ: xóm N L, xã P N, huyện H Q, tỉnh C B. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Dương T H C, Sinh năm 1988. Địa chỉ: 563/4 ấp L T A, xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn; Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Hoàng N H trình bày:

Về hôn nhân: Hoàng N H và Dương T H C quen biết nhau từ năm 2009, đến năm 2012 tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2012 tại UBND xã xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T. Do điều kiện công việc nên vợ chồng sống xa nhau mỗi ít khi gặp mặt dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, đến năm 2018 vợ chồng

chính thức ly thân không còn gặp nhau, mỗi người sống một nơi và có cuộc sống riêng. Hoàng N H không còn tình cảm với Dương T H C, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với Dương T H C.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Dương T H C trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian quen biết, kết hôn đúng như Hoàng N H trình bày. Hoàng N H và Dương T H C quen biết nhau từ năm 2009, đến năm 2012 tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2012 tại UBND xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Do điều kiện công việc nên vợ chồng sống xa nhau, sau khi kết hôn anh Hải đi xuất khẩu lao động đến năm 2016 về sống tại Đồng Tháp được vài tháng, sau đó vợ chồng mỗi người sống một nơi dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, đến năm 2018 vợ chồng chính thức ly thân không còn gặp nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Dương T H C không còn tình cảm với Hoàng N H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn Hoàng N H.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hoàng N H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa Hoàng N H với Dương T H C, đây là vụ án "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Hoàng N H có đơn xin vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hoàng N H và Dương T H C tổ chức đám cưới vào năm 2012 có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2012 tại UBND xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do điều kiện công việc Dương T H C với Hoàng N H sống xa nhau, một năm gặp mặt 01 vài lần, vợ chồng sống xa nhau từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, Hoàng N H xin ly hôn, Dương T H C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa Hoàng N H với Dương T H C theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ khi ly hôn: Hoàng N H và Dương T H C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn Hoàng N H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Hoàng N H với Dương T H C.

2. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Hoàng N H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí mà Hoàng N H đã nộp theo biên lai số 0005979, ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Hoàng N H đã nộp xong).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/6/2022). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã L H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền